

HGR

Q.H

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
**VĂN BẢN ĐẾN**  
 Ngày: 15-03-2021  
**005721**

Phụ lục V

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN VÀ  
 MÔI TRƯỜNG HẬU GIANG**  
 Số: Q2/BC-HGR

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Hậu Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty năm 2020**

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang
- Địa chỉ trụ sở chính: : Đường Võ Văn Kiệt, Phường V, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại: 02933.878.922 Fax: Email: congtycptnmthg@gmail.com
- Vốn điều lệ: 22.710.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: HGR
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày      | Nội dung   |
|-----|--------------------------|-----------|--|
| 01  | 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ         | 29/7/2020 | Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần TN&MT Hậu Giang |

### Hội đồng quản trị:

#### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

| Stt | Thành viên HDQT       | Chức vụ (thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập |                 |
|-----|-----------------------|---|---|-----------------|
|     |                       |   | Ngày bổ nhiệm   | Ngày miễn nhiệm |
| 01  | Ông: Nguyễn Phước Lộc | Chủ tịch HDQT   | 29/7/2020   |                 |
| 02  | Ông: Lương Văn Nguyên | Giám Đốc  | 14/8/2020   |                 |
| 03  | Ông: Vũ Thành Trung   | Phó Giám Đốc  | 14/8/2020   |                 |

#### 2. Các cuộc họp HDQT

| Stt | Thành viên HDQT       | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông: Nguyễn Phước Lộc | 2                        | 100%              |                         |
| 2   | Ông: Lương Văn Nguyên | 2                        | 100%              |                         |
| 3   | Ông: Vũ Thành Trung   | 2                        | 100%              |                         |

#### 3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Giám đốc:

HDQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ mà HDQT đã giao cho Ban Giám đốc, chỉ đạo và định hướng phát triển công ty. Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong các công tác sau:

- Tổng kết công tác SXKD năm 2020 và đề ra kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2021
- Chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án triển khai thực hiện trong năm 2021.
- Xem xét lại hồ sơ năng lực công ty để tham gia đầu tư vào các dự án mới.

#### 4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày      | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|-----------|---|-----------------|
| 01  | 01/2020/NQ-HDQT          | 14/8/2020 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Bầu Chủ tịch HDQT, bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc | 100%            |

|    |                 |           |  |      |
|----|-----------------|-----------|--|------|
|    |                 |           | nhiệm kỳ 2020 - 2025   |      |
| 02 | 02/2020/NQ-HĐQT | 07/9/2020 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Phân công nhiệm vụ công việc cho Ban giám đốc   | 100% |
| 03 | 03/2020/NQ-HĐQT | 23/9/2020 | Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc Phân công nhiệm vụ công việc cho Ban giám đốc   | 100% |
| 04 | 01/2020/QĐ-HĐQT | 14/8/2020 | Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty (Đ/c Lương Văn Nguyên)  | 100% |
| 05 | 02/2020/QĐ-HĐQT | 14/8/2020 | Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty (Đ/c Vũ Thành Trung)  | 100% |
| 06 | 01/QĐ-HĐQT      | 15/1/2021 | Quyết định về việc ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang | 100% |
| 07 | 02/QĐ-HĐQT      | 15/1/2021 | Quyết định về việc ban hành Quy chế trả lương người lao động tại Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang                      | 100% |

## II. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán:

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ        | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn      |
|-----|----------------------------------|----------------|--|--------------------------|
| 01  | Ông Lê Quốc Tú                   | Trưởng BKS     | 29/7/2020  | Đại học Kế Toán Tổng hợp |
| 02  | Ông Lê Ngọc Tùng                 | Thành viên BKS | 29/7/2020  | ĐH. Quản trị Kinh doanh  |
| 03  | Ông Lê Quang Trường              | Thành viên BKS | 29/7/2020  | ĐH. Quản lý đất đai      |

### 2. Cuộc họp của BKS/Ủy ban Kiểm toán

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Lê Quốc Tú                   | 4                   | 100%              | 100%             |                         |

|   |                     |   |      |      |  |
|---|---------------------|---|------|------|--|
| 2 | Ông Lê Ngọc Tùng    | 4 | 100% | 100% |  |
| 3 | Ông Lê Quang Trường | 4 | 100% | 100% |  |

3. Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

a) Kiểm soát việc tuân thủ, chấp hành quy định của Công ty thông qua việc tổ chức thực hiện các Quy chế hoạt động như:

- Quy chế Tuyển dụng, quản lý nhân sự và đào tạo lao động;
- Quy chế Quản lý tài chính;
- Quy chế Trả lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý;
- Quy chế Trả lương người lao động;
- Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị;
- Quy chế Quản lý nợ.
- Quy chế Quản lý tài sản.
- Quy chế Tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.
- Quy chế Thi đua, khen thưởng.

b) Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và nghĩa vụ tài chính khác;

c) Định kỳ, thẩm định các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính, đầu tư, xây dựng; giám sát thanh quyết toán vốn thuộc thẩm quyền.

d) Kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty: các nhiệm vụ liên quan đến thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, thực hiện kiểm soát việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty: bao gồm các hoạt động liên quan đến chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, nghiệp vụ công tác kế toán, tài chính.

Trên cơ sở kiểm tra hoạt động Công ty, Ban Kiểm soát sẽ kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc để có điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, đúng quy tắc, tránh được các rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các phòng ban chức năng tại công ty gồm: thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc; kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, ký hợp đồng,....

f) Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

g) Thực hiện báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát định kỳ hàng quý kết quả thẩm định báo cáo hoạt động của Người đại diện vốn nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty gửi về UBND tỉnh, Sở Tài chính theo quy định.

h) Kiểm soát một số nhiệm vụ đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, của Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông hoặc cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành kế hoạch theo quy định (theo Khoản 5 Điều 166 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13). Đối với những nội dung cần phải kiểm soát trực tiếp theo kế hoạch

hoặc theo thực tế phát sinh thì trước khi thực hiện, BKS sẽ thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc chuẩn bị nội dung theo yêu cầu chậm nhất 02 ngày, trước khi tiến hành thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh mới, Ban Kiểm soát sẽ họp thống nhất để bổ sung, điều chỉnh.

### III. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|---|
|     |                          |                     |                     |   |
|     |                          |                     |                     |   |

### IV. Kế toán trưởng

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-----------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
|           |                     |                               |                           |

V. Đào tạo về quản trị công ty: Không có.

### VI. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

#### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|--|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---|---|-------|-----------------------------------|
| 1   | UBND tỉnh Hậu Giang |  |                              |                                 |                                       | 29/7/2020                               |   |       |                                   |

|   |                        |  |  |  |  |           |  |  |  |
|---|------------------------|--|--|--|--|-----------|--|--|--|
|   |                        |  |  |  |  |           |  |  |  |
| 2 | Nguyễn<br>Phước<br>Lộc |  |  |  |  | 29/7/2020 |  |  |  |
| 3 | Lương<br>Văn<br>Nguyên |  |  |  |  | 29/7/2020 |  |  |  |
| 4 | Vũ<br>Thành<br>Trung   |  |  |  |  | 29/7/2020 |  |  |  |

*Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

- 2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- 3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.
- 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có.

**VII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo**

6 tháng/năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/Mối quan hệ | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Năm sinh | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------|--|--|--------------------------------------|----------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Phước Lộc  |  | CT HĐQT                                  |                                      | 1981     |                 |                            |                               |         |
| 1   | Nguyễn Văn Tư     |  | Không/Bố đẻ                              |                                      | 1953     |                 |                            |                               |         |
| 2   | Nguyễn Thị Nguyệt |  | Không/Mẹ đẻ                              |                                      | 1949     |                 |                            |                               |         |
| 3   | Nguyễn Văn Sơn    |  | Không/Anh ruột                           |                                      | 1971     |                 |                            |                               |         |
| 4   | Nguyễn Lộc Thọ    |  | Không/Em ruột                            |                                      | 1983     |                 |                            |                               |         |
| 5   | Lê Thị Vui        |  | Không/Vợ                                 |                                      | 1990     |                 |                            |                               |         |
| 6   | Nguyễn Lê Hà Anh  |  | Không/Con đẻ                             |                                      | 2020     |                 |                            |                               |         |

|    |                        |  |                     |  |      |        |           |        |  |
|----|------------------------|--|---------------------|--|------|--------|-----------|--------|--|
| 7  | UBND tỉnh<br>Hậu Giang |  | Cổ đông<br>Nhà nước |  |      |        | 1.327.172 | 58,44% |  |
| 2  | Lương<br>Văn<br>Nguyên |  | Giám đốc            |  | 1976 |        |           |        |  |
| 1  | Lương Văn<br>Hập       |  | Không/Bố<br>đẻ      |  | 1925 | Đã mất |           |        |  |
| 2  | Nguyễn<br>Thị Tám      |  | Không/Mẹ<br>đẻ      |  | 1935 | Đã mất |           |        |  |
| 3  | Lương Văn<br>Cháy      |  | Không/<br>Anh ruột  |  | 1965 |        |           |        |  |
| 4  | Lương Thị<br>Bé        |  | Không/Chị<br>ruột   |  | 1966 |        |           |        |  |
| 5  | Lương Chí<br>Cháy      |  | Không/Anh<br>ruột   |  | 1967 |        |           |        |  |
| 6  | Lương Văn<br>Ngầu      |  | Không/<br>Anh ruột  |  | 1968 |        |           |        |  |
| 7  | Lương Thị<br>Hạnh      |  | Không/Chị<br>ruột   |  | 1971 |        |           |        |  |
| 8  | Lương Thị<br>Đào       |  | Không/Chị<br>ruột   |  | 1973 |        |           |        |  |
| 9  | Lương Thị<br>Hương Lan |  | Không/Em<br>ruột    |  | 1982 |        |           |        |  |
| 10 | Đỗ Thị<br>Kha Lam      |  | Không/ vợ           |  | 1988 |        |           |        |  |



|    |                         |                  |      |        |         |     |  |  |
|----|-------------------------|------------------|------|--------|---------|-----|--|--|
| 11 | Lương Hoàng Nguyễn Phát | Không/ con đẻ    | 2014 |        |         |     |  |  |
| 12 | UBND tỉnh Hậu Giang     | Cổ đông Nhà nước |      |        | 794.850 | 35% |  |  |
| 3  | Vũ Thành Trung          | Phó Giám đốc     | 1987 |        |         |     |  |  |
| 1  | Vũ Văn Chiến            | Không/Bố đẻ      | 1954 | Đã mất |         |     |  |  |
| 2  | Lê Thị Ích              | Không/Mẹ đẻ      | 1954 |        |         |     |  |  |
| 3  | Vũ Thị Hồng Loan        | Không/Chị ruột   | 1976 |        |         |     |  |  |
| 4  | Vũ Thị Hồng Liên        | Không/Chị ruột   | 1980 |        |         |     |  |  |
| 5  | Vũ Thị Hồng Nhung       | Không/Chị ruột   | 1983 |        |         |     |  |  |
| 6  | Lê Hồng Trúc Linh       | Không/Vợ         | 1990 |        |         |     |  |  |
| 7  | Vũ Lê Ngọc Anh          | Không/Con đẻ     | 2017 |        |         |     |  |  |
| 8  | Vũ Lê Hà My             | Không/Con đẻ     | 2021 |        |         |     |  |  |
| 9  | UBND tỉnh Hậu Giang     | Cổ đông Nhà nước |      |        | 113.478 | 5%  |  |  |

|   |                  |                |      |  |  |  |  |
|---|------------------|----------------|------|--|--|--|--|
| 4 | Lê Quốc Tú       | Trưởng BKS     | 1986 |  |  |  |  |
| 1 | Lê Văn Đương     | Không/Bố đẻ    | 1951 |  |  |  |  |
| 2 | Võ Thị Út        | Không/Mẹ đẻ    | 1953 |  |  |  |  |
| 3 | Lê Quốc Hưng     | Không/Anh ruột | 1977 |  |  |  |  |
| 4 | Lê Quốc Triều    | Không/Anh ruột | 1979 |  |  |  |  |
| 5 | Lê Thị Cẩm Nhung | Không/Chị ruột | 1981 |  |  |  |  |
| 6 | Võ Kim Tuyên     | Không/Vợ       | 1986 |  |  |  |  |
| 7 | Lê Khánh Tường   | Không/Con đẻ   | 2013 |  |  |  |  |
| 5 | Lê Ngọc Tùng     | Thành viên BKS | 1985 |  |  |  |  |
| 1 | Lê Ngọc Tài      | Không/Bố đẻ    | 1944 |  |  |  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Tam   | Không/Mẹ đẻ    | 1951 |  |  |  |  |
| 3 | Nguyễn Thị Duyên | Không/Vợ       | 1994 |  |  |  |  |

1/4/2011  
 T.Y  
 U.Y  
 U.C  
 A.N  
 H

|   |                  |                |      |  |  |  |  |
|---|------------------|----------------|------|--|--|--|--|
| 4 | Lê Quốc Tú       | Trưởng BKS     | 1986 |  |  |  |  |
| 1 | Lê Văn Đương     | Không/Bố đẻ    | 1951 |  |  |  |  |
| 2 | Võ Thị Út        | Không/Mẹ đẻ    | 1953 |  |  |  |  |
| 3 | Lê Quốc Hưng     | Không/Anh ruột | 1977 |  |  |  |  |
| 4 | Lê Quốc Triều    | Không/Anh ruột | 1979 |  |  |  |  |
| 5 | Lê Thị Cẩm Nhung | Không/Chị ruột | 1981 |  |  |  |  |
| 6 | Võ Kim Tuyên     | Không/Vợ       | 1986 |  |  |  |  |
| 7 | Lê Khánh Tường   | Không/Con đẻ   | 2013 |  |  |  |  |
| 5 | Lê Ngọc Tùng     | Thành viên BKS | 1985 |  |  |  |  |
| 1 | Lê Ngọc Tài      | Không/Bố đẻ    | 1944 |  |  |  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Tam   | Không/Mẹ đẻ    | 1951 |  |  |  |  |
| 3 | Nguyễn Thị Duyên | Không/Vợ       | 1994 |  |  |  |  |

H. C. N. G. S. H. A. N. G.

|   |                    |                |      |  |  |  |  |
|---|--------------------|----------------|------|--|--|--|--|
| 4 | Lê Ngọc Phát Lộc   | Không/Con đê   | 2016 |  |  |  |  |
| 5 | Lê Ngọc Tiến Đạt   | Không/Con đê   | 2018 |  |  |  |  |
| 6 | Lê Thị Thúy        | Không/Chị ruột | 1974 |  |  |  |  |
| 7 | Lê Thị Vân         | Không/Chị ruột | 1980 |  |  |  |  |
| 8 | Lê Thị Hà          | Không/Chị ruột | 1982 |  |  |  |  |
| 6 | Lê Quang Trường    | Thành viên BKS | 1990 |  |  |  |  |
| 1 | Lê Quang Trí       | Không/Bố đê đê | 1967 |  |  |  |  |
| 2 | Lê Thị Mỹ Liêm     | Không/Mẹ đê    | 1966 |  |  |  |  |
| 3 | Lê Hoàng Xuân Thụy | Không/Em ruột  | 1997 |  |  |  |  |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
|     |                           |                          |                           |       |                            |       |  |

VIII. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận: HL  
 - Như trên;  
 - Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Phước Lộc**